TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **09**/2018/DS-PT*
Ngày: 16/01/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Anh
- *Các Thẩm phán:* Ông Ngô Hà Nam
  Ông Cao Văn Hiếu

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Mỹ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa phúc thẩm, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2017/TLPT – DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2017/QĐ-PT ngày 08/12/2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Việt Nam T.** Trụ sở: Tầng 1-7 tòa nhà T, 72 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: bà T – chức vụ: Nhân viên. (Theo Văn bản ủy quyền số 18/2017/UQ-CT ngày 13.3.2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Văn bản ủy quyền số 1148/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 10.4.2017 của Trưởng phòng Phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho Phòng an ninh và Phòng kiểm soát gian lận, Phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng - Ngân hàng TMCP Việ Nam T). Có mặt

- *Bị đơn:* Ông **Võ Trường B**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: K120/37 Đ, tổ 79 phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1/ Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà T trình bày:

Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Võ Trường B có ký Hợp đồng tín dụng số 20141015-500003-0020 ngày 07.10.2014 để vay số tiền 63.000.000 đồng với lãi suất 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông Võ Trường B có trách nhiệm thanh toán số tiền 102.592.000 đồng (gồm cả lãi và gốc), trả chậm trong 36 tháng. Thực hiện hợp đồng, ông B đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng 02 kỳ với số tiền 14.525.000 đồng. Kể từ ngày 01.6.2016, ông Võ Trường B không thanh toán bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay, để đảm bảo quyền lợi của mình, Ngân hàng TMCP Việt Nam T đề nghị Tòa án buộc ông Võ Trường B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29.9.2017 là: 85.930.641đ (Tám mươi lăm triệu chín trăm ba mươi nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng). Trong đó, nợ gốc đến hạn là: 51.059.037 đồng; nợ lãi đến hạn là: 32.110.172 đồng; nợ gốc chưa đến hạn là: 2.761.432 đồng.

- Về phía bị đơn – ông Võ Trường B: Mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để tiến hành lấy lời khai nhưng ông Võ Trường B vẫn không có ý kiến phản hồi. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai.

2/ Quyết định của bản án sơ thẩm:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 305, 401, 405, 471 và khoản 1, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với ông Võ Trường B.

2. Án phí DSST: 4.296.532đ (Bốn triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi hai đồng) Ngân hàng TMCP Việt Nam T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.148.266 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 3293 ngày 17.4.2017. Ngân hàng TMCP Việt Nam T còn phải nộp số tiền là 2.148.266đ (Hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

3/ Nội dung kháng cáo:

Ngày 02/10/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Trường B phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 85.930.641đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn – ông Võ Trường B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 15/01/2018. Do vậy HĐXX áp dụng Điều 296 BLTTDS xét xử vắng mặt ông B.

[2] Theo Ngân hàng TMCP Việt Nam T trình bày: Vào ngày 07.10.2014, ông Võ Trường B có ký kết với Ngân hàng TMCP Việt Nam T Hợp đồng tín dụng số 20141015-500003-0020 vay số tiền 63.000.000 đồng với lãi suất 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Ông Võ Trường B đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán cho Ngân hàng được 14.525.000 đồng. Kể từ ngày 01.6.2016, ông B không trả bất cứ khoản tiền nào nữa, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, Ngân hàng TMCP Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Võ Trường B phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29.9.2017 là 85.930.641 đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ các tài liệu chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Không đồng ý với quyết định này của Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam T, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài các tài liệu chứng minh tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T chỉ cung cấp cho Tòa án so thẩm bản sao "Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" có số hiệu hồ sơ: No 067554 ngày 07.10.2014 và "Phê duyệt của VPBank" ngày 16.10.2014 nên Tòa sơ thẩm xử không chấp nhậ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ mới là bản chính giấy lĩnh tiền có số bút toán TT1429070868 ngày 17/10/2014 thể hiện rõ nội dung ông Võ Trường B đã nhận số tiền 60.000.000đ giải ngân CF theo hồ sơ 20141015-500003-0020. Điều này phù hợp với nội dung bản tự khai viết ngày 01/01/2018 của ông Võ Trường B thừa nhận hiện nay còn nợ của ngân hàng 85.930.641đ, trong đó nợ gốc là 53.820.469đ và lãi là 32.110.172đ. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định việc hai bên đã giao kết và đã thực hiện hợp đồng là có thật. Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên nguyên đơn là ngân hàng VP Bank khởi kiện buộc ông B phải trả số tiền 85.930.641đ, trong đó nợ gốc là 53.820.469đ và lãi tính đến ngày 29.9.2017 là 32.110.172đ là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của ông Võ Trường B xin giảm toàn bộ số tiền lãi, số tiền gốc trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ngân hàng VP Bank không đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Việt Nam T, sửa bản án sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Buộc ông Võ Trường B phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 85.930.641đ (Tám mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ngàn sáu trăm bốn mươi mốt đồng.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 điều 308 BLTTDS, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Việt Nam T, sửa bản án sơ thẩm số

34/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Xét đề nghị của Đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Do được chấp nhận kháng cáo nên Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

1. Buộc ông Võ Trường B phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 85.930.641đ (Tám mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ngàn sáu trăm bốn mươi mốt đồng).

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 30.9.2017 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 20141015-500003-0020 ngày 07.10.2014 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Võ Trường B.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Võ Trường B phải chịu là 4.296.532đ (Bốn triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí 2.148.266 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 3293 ngày 17.4.2017.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 7495 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Đà Nẵng;*
- *TAND Q.T, TP ĐN;*
- *Chi cục THA Q. T;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Anh